TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DSST
Ngày 21 tháng 3 năm 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Bà **Đinh Thị Huyền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/TL - DSST ngày 02 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐST - DS ngày 25 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST - HPT ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP SGTT.** Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, phường 8, Quận 3, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Xuân H theo Giấy ủy quyền số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28/12/2020. Ông Đỗ Xuân H ủy quyền lại cho: bà Vũ Thị Huyền T, bà Nguyễn Thị Ngọc H theo Giấy ủy quyền số 108/GUQ-CNTD ngày 14/7/2021. Bà T có mặt.

- Bị đơn: Bà **Đào Thị H**, sinh năm 1963. Hộ khẩu thường trú: Số 11 đường T, phường Q, quận B, thành phố H. Bà H vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021 và các lời khai trong quá trình***

giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT do người đại diện theo ủy quyền là Vũ Thị Huyền T trình bầy:

Ngày 18/6/2016 bà Đào Thị H và Ngân hàng TMCP SGTT có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch trong suốt quá trình vay đến khi vi phạm hợp đồng với tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 689.380.000 đồng và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 649.752.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc thẻ là 3.75%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tạm tính đến ngày 21/3/2022, bà H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 12.811.407 đồng; Lãi quá hạn: 135.006.627 đồng; Phí phạt: 2.195.754 đồng. Tổng cộng: 250.013.788 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với các nội dung sau:

1. Buộc bà Đào Thị H trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022, bà H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 12.811.407 đồng; Lãi quá hạn: 135.006.627 đồng; Phí phạt: 2.195.754 đồng. Tổng cộng: 250.013.788 đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT.

2. Bà Đào Thị H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/3/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất tại hợp đồng.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn

Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được. Vì vậy, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Bà Đào Thị H có hộ khẩu thường trú tại số 11 đường T, phường Q, quận B, thành phố H. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT; Buộc bà Đào Thị H phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21/3/2022, bà H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 12.811.407 đồng; Lãi quá hạn: 135.006.627 đồng; Phí phạt: 2.195.754 đồng. Tổng cộng: 250.013.788 đồng và khoản lãi phát sinh sau

ngày 21/3/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất quy định theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị H chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Đào Thị H vắng mặt lần thứ hai liên tiếp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt Bà Đào Thị H.

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT của bà Đào Thị H, mục đích mở thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đào Thị H đăng ký nhân khẩu thường trú tại số 11 đường T, phường Q, quận B, thành phố H. Do bà Đào Thị H không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT khi đến hạn trả nợ. Do vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT đã khởi kiện bà H đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Ngày 18/6/2016, bà Đào Thị H và Ngân hàng TMCP SGTT có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngày 30/9/2016 bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sang nợ quá hạn từ ngày 30/9/2016. Ngày 01/11/2021, Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã nhận được đơn khởi kiện của ngân hàng đối với bà H. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này không thuộc trường hợp phải áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Ngày 18/6/2016, bà Đào Thị H và Ngân hàng TMCP SGTT có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 100.000.000 (Một trăm triệu đồng); Mục đích vay: Mở thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân; Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Tín chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/6/2016 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trả góp bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 30/9/2016 nên theo Điều 23 của điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quy định về chuyển nợ quá hạn*:"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của chủ thẻ tại đơn vị phát hành thẻ"*. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc bà H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/3/2022 cụ thể Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 12.811.407 đồng; Lãi quá hạn: 135.006.627 đồng; Phí phạt: 2.195.754 đồng. Tổng cộng: 250.013.788 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP SGTT, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua đối chiếu nhận thấy cách tính lãi, phí chậm thanh toán của các bên theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn bà Đào Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 373; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT, yêu cầu bà Đào Thị H thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP SGTT toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT.

- Xác nhận bà Đào Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP SGTT số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT với tổng số tiền như sau: Nợ gốc: **100.000.000** *(Một trăm triệu)* đồng; Lãi trong hạn: **12.811.407** *(Mười hai triệu, tám trăm mười một nghìn, bốn trăm linh bảy)* đồng; Lãi quá hạn: **135.006.627** *(Một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm linh sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bảy)* đồng; Phí phạt: **2.195.754** *(Hai triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi tư)* đồng. Tổng cộng: **250.013.788** *(Hai trăm năm mươi triệu, không trăm mười ba nghìn, bảy trăm tám mươi tám)* đồng tạm tính đến ngày 21/3/2022.

2. Buộc Bà Đào Thị H thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP SGTT với tổng số tiền như sau: Nợ gốc: **100.000.000** *(Một trăm triệu)* đồng; Lãi trong hạn: **12.811.407** *(Mười hai triệu, tám trăm mười một nghìn, bốn trăm linh bảy)* đồng; Lãi quá hạn: **135.006.627** *(Một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm linh sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bảy)* đồng; Phí phạt: **2.195.754** *(Hai triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi tư)* đồng. Tổng cộng: **250.013.788** *(Hai trăm năm mươi triệu, không trăm mười ba nghìn, bảy trăm tám mươi tám)* đồng tạm tính đến ngày 21/3/2022.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đào Thị H phải chịu **12.500.689** *(Mười hai triệu, năm trăm nghìn, sáu trăm tám mươi chín)* đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **5.000.000** *(Năm triệu)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0067617 ngày 02/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba

Đình, thành phố Hà Nội.

5. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Bà Đào Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2016 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT. .

Trường hợp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn Bà Đào Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung